

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

**Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

06-C  
TU HAN  
AFC  
M  
NH  
VH  
I.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5200824701 vào ngày 05 tháng 10 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 13 tháng 07 năm 2017 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có trụ sở tại: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Trong năm 2017, hoạt động chính của Công ty là sản xuất bột đá CaCo3.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Huỳnh Song Trà	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Hùng (i)	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Hoàng Anh Quân (i)	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2017)

(i) Theo Nghị quyết số 01/2017/YBM/ND-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái.

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Lê Anh Tuấn (ii)	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Don (ii)	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Mai Việt Cường (ii)	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 05 tháng 4 năm 2017)

(ii) Theo Nghị quyết số 01/2017/YBM/ND-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái.

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Quân	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**7. Công bố các báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018





Số: 031/2018/BCKT-HT.00041

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 6 năm 2018, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

300A  
C  
TRÁCH  
KIỂM  
V  
CH  
H  
T  
U  
E

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 031/2018/BCKTHN-HT.00041 ngày 31 tháng 03 năm 2018, do Công ty đính chính lại một số nội dung trong bản thuyết minh báo cáo tài chính. Cụ thể: Mục 4.9 - Tài sản cố định hữu hình; Mục 5.7 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình; Mục 6.6 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái cho giai đoạn từ ngày 05 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 10 tháng 10 năm 2017.



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1788-2018-009-1

**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1673-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018

8995  
ÔNG  
NHIỆM  
I TOÁN  
IỆT NA  
I NHA  
THÀ  
AY-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>141.087.376.879</b>	<b>31.909.184.050</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.310.058.949</b>	<b>2.023.383.926</b>
Tiền	111		4.310.058.949	2.023.383.926
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>78.205.653.542</b>	<b>17.386.848.516</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	46.383.671.038	11.990.521.654
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	27.317.087.129	396.326.862
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.504.895.375	5.000.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.381.781.404</b>	<b>8.949.152.266</b>
Hàng tồn kho	141	5.5	43.381.781.404	8.949.152.266
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.189.882.984</b>	<b>3.549.799.342</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6a	3.664.576.760	473.668.165
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.524.495.224	3.076.131.177
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		811.000	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.225.299.529</b>	<b>55.905.915.459</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.254.019.714</b>	<b>677.257.851</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.254.019.714	677.257.851
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>71.777.604.886</b>	<b>51.051.875.539</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	50.261.836.462	38.542.981.953
Nguyên giá	222		54.881.141.924	40.592.515.514
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.619.305.462)	(2.049.533.561)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	21.515.768.424	12.508.893.586
Nguyên giá	225		22.500.554.001	12.650.336.719
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(984.785.577)	(141.443.133)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.9	<b>13.020.976.283</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.020.976.283	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>33.750.000.000</b>	-
Đầu tư vào công ty con	251	5.10	33.750.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.422.698.646</b>	<b>4.176.782.069</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6b	4.422.698.646	4.176.782.069
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>265.312.676.408</b>	<b>87.815.099.509</b>

-006-  
 T.Y.  
 HỮU HẠ  
 V AF  
 M  
 NH  
 T.P.V

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>135.067.852.744</b>	<b>42.121.793.409</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121.959.685.160</b>	<b>28.145.884.045</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	21.288.833.737	5.822.641.763
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.559.310.894	241.560.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	18.483.700	89.536.338
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	124.281.447	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	118.747.089	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	98.850.028.293	21.992.145.944
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.108.167.584</b>	<b>13.975.909.364</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	13.108.167.584	13.975.909.364
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>130.244.823.664</b>	<b>45.693.306.100</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>130.244.823.664</b>	<b>45.693.306.100</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.244.823.664	10.693.306.100
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		543.306.100	10.693.306.100
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.701.517.564	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>265.312.676.408</b>	<b>87.815.099.509</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI  
 Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Từ 5/10/2015 đến 31/12/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>220.121.698.245</b>	<b>72.000.929.143</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>220.121.698.245</b>	<b>72.000.929.143</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>129.200.601.954</b>	<b>49.747.875.145</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>90.921.096.291</b>	<b>22.253.053.998</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	435.222.125	18.319.321
Chi phí tài chính	22	6.4	5.697.354.560	1.088.675.023
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.815.145.950</i>	<i>1.086.754.065</i>
Chi phí bán hàng	24	6.5	50.878.488.886	7.663.895.759
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.930.550.883	2.825.496.437
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>29.849.924.087</b>	<b>10.693.306.100</b>
Thu nhập khác	31	6.7	256.548.539	-
Chi phí khác	32	6.8	404.955.062	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(148.406.523)</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>29.701.517.564</b>	<b>10.693.306.100</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>29.701.517.564</b>	<b>10.693.306.100</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
 Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
 Kế toán trưởng



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2017	Từ 5/10/2015 đến 31/12/2016
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>29.701.517.564</b>	<b>10.693.306.100</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.241.974.742	2.190.976.694
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(397.245.901)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	156.190.225	(18.319.321)
- Chi phí lãi vay	06	4.815.145.950	1.086.754.065
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>38.517.582.580</b>	<b>13.952.717.538</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(47.277.356.985)	(21.140.237.544)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(34.432.629.138)	(8.949.152.266)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	15.871.427.601	6.153.738.101
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.436.825.172)	(4.650.450.234)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.690.864.503)	(1.086.754.065)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.500.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(576.761.863)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(31.525.427.480)</b>	<b>(15.720.138.470)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63.159.505.796)	(53.242.852.233)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.858.468	18.319.321
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(96.894.556.419)</b>	<b>(53.224.532.912)</b>



**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 5/10/2015 đến 31/12/2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		54.850.000.000	35.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		195.835.231.260	74.426.930.847
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(115.730.392.058)	(31.393.978.727)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.152.940.663)	(7.064.896.812)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>130.801.898.539</b>	<b>70.968.055.308</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.381.914.640</b>	<b>2.023.383.926</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>2.023.383.926</b>	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(95.239.617)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>4.310.058.949</b>	<b>2.023.383.926</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
 Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
 Kế toán trưởng



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5200824701 vào ngày 05 tháng 10 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 13 tháng 07 năm 2017 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có trụ sở tại: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO<sub>3</sub>);
- Bán buôn quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh;
- Bán buôn thạch anh, đá xây dựng, magie Ôxit (MgO)
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Bán buôn xi măng
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá thạch anh, đá xây dựng, magie Ôxit (MgO);
- Khai thác quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh;
- Sản xuất hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO<sub>3</sub>);
- Chế biến quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh;
- Chế biến thạch anh, đá xây dựng, magie Ôxit (MgO);
- Đại lý tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh kho bãi;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

**1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc tập đoàn**

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 02 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái (i)	Thôn Đồng Táng, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	96,92%	96,92%
Công ty TNHH TALC Việt Nam (ii)	136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.	99%	99%

(i) Ngày 27 tháng 4 năm 2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái mua đã mua 940.000 cổ phần tương đương 94% vốn điều lệ của các cổ đông và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái. Công ty này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5200473161, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 5 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là khai thác đá hoa và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub>.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Công ty mẹ đã mua toàn bộ số cổ phần phát hành thêm (950.000 cổ phần tương đương 9.500.000.000 đồng) của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty này lên 96,92%.

(ii) Ngày 20 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái đã mua lại phần vốn góp tương đương 99% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty TNHH TALC Việt Nam. Công ty này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600441779, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2008 và thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là khai thác quặng TALC.

## 1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 157 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97 người).

## 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Các ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

#### **4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.8 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 20	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10	02 - 10

Phương pháp khấu hao và thời gian khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ được Công ty thực hiện nhất quán qua các năm. Khung khấu hao năm trước (2016) đã được trình bày theo đúng khung mà doanh nghiệp thực tế đang áp dụng.

#### **4.10 Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty.

#### **4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.12 Các khoản nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **4.13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **4.14 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **4.15 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

33004  
C  
TRÁCH  
KIỂM  
V  
CH  
H  
TU G

#### **4.16 Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **4.17 Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### **4.18 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.19 Doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4899  
CÔNG  
NHIỆM  
T TỌA  
IẾT N  
I NH  
I TH  
Y



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4.20 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**4.21 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế) và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (2018 - 2021).

5-00  
TY  
HỮU  
IN A  
IAM  
ẢNH  
ẢNH  
T.P.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

**4.14 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.15 Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

C. TH  
IAN  
FC  
HA N



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4.16 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty / đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần xuất khẩu, lao động, thương mại và du lịch	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái	Công ty con
Công ty TNHH TALC Việt Nam	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	95.484.348	199.900.942
Tiền gửi ngân hàng	4.214.574.601	1.823.482.984
<b>Tổng</b>	<b>4.310.058.949</b>	<b>2.023.383.926</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>18.070.810.620</b>	<b>7.317.684.550</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	18.070.810.620	7.317.684.550
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>28.312.860.418</b>	<b>4.672.837.104</b>
Công ty Cổ phần Latca Việt Nam	247.950.000	1.253.320.000
Công ty Cổ phần khoáng sản VNS Việt Nam	2.296.382.217	658.789.717
Công ty Cổ phần Polyfill	4.113.532.500	-
Các khách hàng khác	21.654.995.701	2.760.727.387
<b>Tổng</b>	<b>46.383.671.038</b>	<b>11.990.521.654</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Guilin Hongcheng mining equipment Manufacture Co.,Ltd (*)	9.613.522.000	56.028.000
Shanghai shibang machinery sales Co., Ltd (*)	3.656.755.837	9.848.363
Công ty Cổ phần Phúc Tâm Tài (*)	5.150.000.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	8.896.809.292	330.450.499
<b>Tổng</b>	<b>27.317.087.129</b>	<b>396.326.862</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(\*) Các khoản ứng trước cho người bán liên quan đến mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản Giai đoạn 3 của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**5.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.504.895.375</b>	-	<b>5.000.000.000</b>	-
- Tạm ứng	277.414.274	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	-	-	4.500.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	-	-
- Ứng trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng (*)	4.226.217.100	-	-	-
- Phải thu khác	1.264.001	-	500.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.254.019.714</b>	-	<b>677.257.851</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	1.254.019.714	-	677.257.851	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.758.915.089</b>	-	<b>5.677.257.851</b>	-

(\*) Ứng trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái.

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	25.079.725.074	-	6.173.283.287	-
Công cụ, dụng cụ	2.653.722.332	-	95.000	-
Thành phẩm	15.648.333.998	-	2.775.773.979	-
<b>Tổng</b>	<b>43.381.781.404</b>	-	<b>8.949.152.266</b>	-

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.664.576.760</b>	<b>473.668.165</b>
Công cụ, dụng cụ	3.041.097.247	409.901.001
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	623.479.513	63.767.164
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.422.698.646</b>	<b>4.176.782.069</b>
Công cụ, dụng cụ	299.020.942	330.092.662
Chi phí giải phóng mặt bằng	3.144.143.070	3.209.597.616
Chi phí trả trước dài hạn khác	979.534.634	637.091.791
<b>Tổng</b>	<b>8.087.275.406</b>	<b>4.650.450.234</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2017	22.250.932.711	15.452.872.171	2.888.710.632	40.592.515.514
Phân loại lại (*)	(291.608.670)	291.608.670	-	-
Mua trong năm	815.620.719	7.920.054.713	3.539.952.728	12.275.628.160
XDCB hoàn thành	3.012.998.250			3.012.998.250
Thanh lý, nhượng bán			(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Vào ngày 31/12/2017	25.787.943.010	23.664.535.554	5.428.663.360	<b>54.881.141.924</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2017	515.129.522	799.160.539	735.243.500	2.049.533.561
Phân loại lại (*)	(1.888.565)	1.888.565	-	-
Khấu hao trong năm	1.144.002.077	1.597.259.054	657.371.167	3.398.632.298
Thanh lý	-	-	(828.860.397)	(828.860.397)
Vào ngày 31/12/2017	1.657.243.034	2.398.308.158	563.754.270	<b>4.619.305.462</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2017	21.735.803.189	14.653.711.632	2.153.467.132	<b>38.542.981.953</b>
Vào ngày 31/12/2017	24.130.699.976	21.266.227.396	4.864.909.090	<b>50.261.836.462</b>

(\*) Phân loại lại do năm trước trình bày nhầm giữa các nhóm tài sản cố định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 3.293.600.239 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.078.846.291 VND).

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2017	12.650.336.719
XDCB hoàn thành (*)	9.850.217.282
Vào ngày 31/12/2017	<b>22.500.554.001</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2017	141.443.133
Khấu hao trong năm	843.342.444
Vào ngày 31/12/2017	<b>984.785.577</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2017	<b>12.508.893.586</b>
Vào ngày 31/12/2017	<b>21.515.768.424</b>

(\*) Trong đó:

- Giá trị thuê tài chính: 6.532.240.000 VND
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản: 3.317.977.282 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2017	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2017
Trạm biến áp 2500kW	-	1.772.727.273	-	-	1.772.727.273
Móng máy nghiền số 10	-	1.382.499.095	-	-	1.382.499.095
Nhà xưởng giai đoạn 3	-	2.747.727.273	-	-	2.747.727.273
Dây chuyền máy rửa đá	-	4.316.310.000	-	-	4.316.310.000
Các công trình khác	-	15.694.203.900	(12.863.215.532)	(29.275.726)	2.801.712.642
<b>Cộng</b>	-	<b>25.913.467.541</b>	<b>(12.863.215.532)</b>	<b>(29.275.726)</b>	<b>13.020.976.283</b>

Số dư các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư xây dựng cơ bản Giai đoạn 3 triển khai trong năm 2017 của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp phía Nam, tỉnh Yên Bái.

**5.10 Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái (i)	18.900.000.000	-	(iii)	-	-	-
Công ty TNHH TALC Việt Nam (ii)	14.850.000.000	-	(iii)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.750.000.000</b>	-	-	-	-	-

i. Ngày 27 tháng 4 năm 2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái mua đã mua 940.000 cổ phần tương đương 94% vốn điều lệ của các cổ đông và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái. Công ty này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái Gấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5200473161, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 5 năm 2017. Hoạt động chính của công ty là khai thác đá hoa và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub>.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Công ty mẹ đã mua toàn bộ số cổ phần phát hành thêm (950.000 cổ phần tương đương 9.500.000.000 VND) của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty này lên 96,92%.

ii. Ngày 20 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái đã mua lại phần vốn góp tương đương 99% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty TNHH TALC Việt Nam. Công ty này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600441779, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2008 và thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty là khai thác quặng TALC.

iii. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.718.832.588</b>	<b>1.718.832.588</b>	<b>47.200.001</b>	<b>47.200.001</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	1.718.832.588	1.718.832.588	47.200.001	47.200.001
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>19.570.001.149</b>	<b>19.570.001.149</b>	<b>5.775.441.762</b>	<b>5.775.441.762</b>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Khoáng Sản Việt Nam	6.584.636.000	6.584.636.000	-	-
Công ty TNHH vận tải Minh Tuyên	1.053.265.000	1.053.265.000	90.750.000	90.750.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải & TM Đức Long	953.859.896	953.859.896	1.198.425.031	1.198.425.031
Các nhà cung cấp khác khác	10.978.240.253	10.978.240.253	4.486.266.731	4.486.266.731
<b>Tổng</b>	<b>21.288.833.737</b>	<b>21.288.833.737</b>	<b>5.822.641.763</b>	<b>5.822.641.763</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Sapali	200.332.000	-
Poly Pipes India PVT LTD	539.382.780	-
Các khách hàng khác	819.596.114	241.560.000
<b>Tổng</b>	<b>1.559.310.894</b>	<b>241.560.000</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số phát sinh trong năm			31/12/2017	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.398.221.791	2.398.221.791	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.021.187.319	3.021.998.319	811.000	-
Thuế TNCN	89.536.338	20.809.934	91.862.572	-	18.483.700
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	8.880.000	8.880.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>89.536.338</b>	<b>5.449.099.044</b>	<b>5.520.962.682</b>	<b>811.000</b>	<b>18.483.700</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lãi vay phải trả	124.281.447	-
<b>Tổng</b>	<b>124.281.447</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>118.747.089</b>	-
- Bảo hiểm xã hội	74.065.280	-
- Bảo hiểm y tế	15.726.839	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.108.190	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.846.780	-
<b>Tổng</b>	<b>118.747.089</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.16 Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2017		Tăng trong năm (a)		Giảm trong năm (b)		31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (I)</b>	<b>21.992.145.944</b>	<b>21.992.145.944</b>	<b>185.739.116.655</b>	<b>108.881.234.306</b>	<b>98.850.028.293</b>	<b>98.850.028.293</b>		
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>19.319.991.020</i>	<i>19.319.991.020</i>	<i>178.747.133.779</i>	<i>106.209.079.382</i>	<i>91.858.045.417</i>	<i>91.858.045.417</i>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	17.321.102.319	17.321.102.319	143.110.049.346	104.210.190.681	56.220.960.984	56.220.960.984		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	1.998.888.701	1.998.888.701	35.637.084.433	1.998.888.701	35.637.084.433	35.637.084.433		
<b>Nợ dài hạn đến hạn thanh toán</b>	<b>2.672.154.924</b>	<b>2.672.154.924</b>	<b>6.991.982.876</b>	<b>2.672.154.924</b>	<b>6.991.982.876</b>	<b>6.991.982.876</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	-	-	320.000.000	-	320.000.000	320.000.000		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	-	-	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000		
Nợ thuế tài chính đến hạn thanh toán (v)	2.672.154.924	2.672.154.924	6.371.982.876	2.672.154.924	6.371.982.876	6.371.982.876		
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (II)</b>	<b>13.975.909.364</b>	<b>13.975.909.364</b>	<b>17.162.066.091</b>	<b>18.029.807.871</b>	<b>13.108.167.584</b>	<b>13.108.167.584</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	-	-	1.600.000.000	480.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	9.161.312.676	9.161.312.676	900.000.000	9.661.312.676	400.000.000	400.000.000		
Nợ thuế tài chính (v)	4.814.596.688	4.814.596.688	14.662.066.091	7.888.495.195	11.588.167.584	11.588.167.584		
<b>Tổng (I+II)</b>	<b>35.968.055.308</b>	<b>35.968.055.308</b>	<b>202.901.182.746</b>	<b>126.911.042.177</b>	<b>111.958.195.877</b>	<b>111.958.195.877</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Trong đó:**

- a) Tổng Tăng trong năm với số tiền 202.901.182.746 VND bao gồm:
- Gốc vay: 195.835.231.260 VND
  - Tăng do phân loại nợ đến hạn trả: 6.991.982.876 VND
  - Tăng do đánh giá CLTG cuối năm: 73.968.610 VND
- b) Tổng Giảm trong năm với số tiền 126.911.042.177 VND bao gồm:
- Thanh toán gốc vay: 119.883.332.721 VND
  - Giảm do phân loại nợ đến hạn trả: 6.991.982.876 VND
  - Giảm do đánh giá CLTG cuối năm: 35.726.580 VND
- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/7958039/HĐTĐ ký vào tháng 5 năm 2017 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 90 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân cụ thể. Khoản vay được Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu bảo lãnh, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu cam kết chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ đúng hạn các nghĩa vụ đến hạn của Công ty. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2017 là 56.220.960.984 VND, bao gồm:
- 08 khế ước vay bằng tiền Việt Nam Đồng với số dư nợ vay là 22.913.867.694 VND, thời hạn vay là 165 ngày với lãi suất 8,7%/năm;
  - 11 khế ước vay bằng đồng Đô la Mỹ (USD) với số dư nợ vay là 1.465.014 USD tương đương 33.307.093.290 VND, thời hạn vay là 165 ngày với lãi suất 4,5%/năm.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cung tín dụng số HDTD số 70/2017-HDCVHM/NHCT140-KSYB ký ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày ký hợp đồng cho vay đến ngày 31 tháng 7 năm 2018, lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân cụ thể có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm: 1) quyền tài sản phát sinh từ việc khai thác bằng phương pháp lộ thiên đá hoa của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái (Công ty con) theo Giấy phép khai thác số 333GP-BTNMT cấp ngày 28 tháng 02 năm 2011; 2) Quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu vào Công ty; 3) Quyền tài sản và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh thu được từ việc hình thành, kinh doanh, khai thác Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0558173156 do UBND tỉnh Yên Bái cấp ngày 15 tháng 6 năm 2017. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm 08 khế ước vay với số tiền 35.637.084.433 VND, thời hạn vay là 151 ngày với lãi suất 7,5%/năm.
- (iii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 03/2017/7958039/HĐTĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền vay là 1.600.000.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 1.440.000.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 320.000.000 VND). Khoản vay có thời hạn 60 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân với lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng một lần. Hình thức đảm bảo tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 62/2017-HĐCVDADT/NHCT131-KSYP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền vay là 900.000.000 VND. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 700.000.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 300.000.000 VND). Khoản vay có thời hạn 36 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân với mức lãi suất 8%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 17.965.250.460 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 6.371.982.876 VND), bao gồm:
- Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease bao gồm 5 hợp đồng thuê tài chính với số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2017 là 9.832.874.369 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 4.803.561.174 VND). Cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- + Hợp đồng thuê tài chính số A161005512 ngày 14/11/2016 với giá trị thuê là 1.819.692.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 1.819.692.000 VND được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 50.518.806 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 154.609.571 VND và chịu lãi suất là 8.78%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 1.162.947.522 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 606.225.672 VND).
- + Hợp đồng thuê tài chính số A161007712 ngày 22 tháng 12 năm 2016 với giá trị thuê là 1.875.903.750 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 1.875.903.750 VND được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 52.108.438 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 144.462.780 VND và chịu lãi suất là 8.73%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 1.250.602.500 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 625.301.256 VND).
- + Hợp đồng thuê tài chính số A160605112 ngày 12 tháng 8 năm 2016 với giá trị thuê là 4.321.884.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 4.321.884.000 VND được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 120.052.345 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 378.185.500 VND và chịu lãi suất là 8.69%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 2.401.046.667 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 1.440.627.996 VND).
- + Hợp đồng thuê tài chính số A170403912 ngày 10 tháng 4 năm 2017 với giá trị thuê là 210.000 USD tương đương 4.796.400.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 210.000 USD được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 5.833,33 USD. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 18.620 USD và chịu lãi suất LIBOR 3 tháng + Margin (3.42%). Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 163.333,36 USD tương đương 3.713.383.940 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 69.999,96 USD tương đương 1.591.449.091 VND).
- + Hợp đồng thuê tài chính số A170404512 ngày 19 tháng 5 năm 2017 với giá trị hợp đồng là 76.000 USD tương đương 1.735.840.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 71.250 USD (đã trừ phần trả trước 4.750 USD) được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 1.979,17 USD. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 67.925 USD và chịu lãi suất LIBOR 3 tháng + Margin (3.42%). Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 57.395,81 USD tương đương 1.304.893.740 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 23.750,04 USD tương đương 539.957.159 VND).
- Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng thuê với số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2017 là 8.127.276.091 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 1.568.421.702 VND). Cụ thể như sau:
  - + Hợp đồng thuê tài chính số 14.17.04/CTTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 với số tiền cho thuê là 4.262.326.091 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng, thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng (ân hạn 3 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank Sở giao dịch công bố cộng biên độ 3%/năm. Khoản vay được cam kết bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu đối với toàn bộ khoản tiền bao gồm: tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn và toàn bộ chi phí phát sinh khác (nếu có) thuộc các hợp đồng cho thuê tài chính ký giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 4.262.326.091 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 822.554.158 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số 14.17.05/CTTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 với số tiền cho thuê là 1.160.460 USD, đã giải ngân 170.000 USD tương đương 3.867.500.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng, thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng (ân hạn 3 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 3,1%/năm. Khoản nợ thuê tài chính được cam kết bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu đối với toàn bộ khoản tiền bao gồm: tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn và toàn bộ chi phí phát sinh khác (nếu có) thuộc các hợp đồng cho thuê tài chính ký giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là 170.000 USD tương đương 3.870.050.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2018 là 32.807 USD tương đương 745.867.544 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	93.998.045.417	92.478.045.417	1.520.000.000	-
Nợ thuê tài chính	17.960.150.460	6.371.982.876	11.588.167.584	-
<b>Cộng</b>	<b>111.958.195.877</b>	<b>98.850.028.293</b>	<b>13.108.167.584</b>	-
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	28.481.303.696	19.319.991.020	9.161.312.676	-
Nợ thuê tài chính	7.486.751.612	2.672.154.924	4.814.596.688	-
<b>Cộng</b>	<b>35.968.055.308</b>	<b>21.992.145.944</b>	<b>13.975.909.364</b>	-

**Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
<b>Năm 2017</b>			
Từ 1 năm trở xuống	3.272.842.489	600.687.565	2.672.154.924
Trên 1 năm đến 5 năm	1.757.615.874	276.830.135	1.480.785.739
	<b>5.030.458.363</b>	<b>877.517.700</b>	<b>4.152.940.663</b>
<b>Năm 2016</b>			
Từ 1 năm trở xuống	3.273.343.027	601.188.103	2.672.154.924
Trên 1 năm đến 5 năm	5.252.171.365	437.574.677	4.814.596.688
	<b>8.525.514.392</b>	<b>1.038.762.780</b>	<b>7.486.751.612</b>

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư 05/10/2015</b>	-	-	-
Vốn góp trong năm	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Lợi nhuận trong năm		10.693.306.100	10.693.306.100
<b>Số dư 31/12/2016</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>10.693.306.100</b>	<b>45.693.306.100</b>
<b>Số dư 01/01/2017</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>10.693.306.100</b>	<b>45.693.306.100</b>
Vốn góp trong năm	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Chia cổ tức	-	(10.150.000.000)	(10.150.000.000)
Lãi trong năm	-	29.701.517.564	29.701.517.564
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>30.244.823.664</b>	<b>130.244.823.664</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 100 tỷ đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2017 như sau:

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	23.000.000.000	23,00%	32.500.000.000	92,86%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	1.000.000.000	1,00%	1.000.000.000	2,86%
Ông Lê Hoàn	1.135.070.000	1,14%	500.000.000	1,43%
Công ty CP Khoáng sản Miền Bắc	-	0,00%	1.000.000.000	2,86%
Công ty CP Xuất khẩu lao động	22.701.400.000	22,70%	-	0,00%
Thương mại và du lịch				
Ông Hoàng Anh Quân	566.680.000	0,57%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	500.000.000	0,50%	-	0,00%
Bà Đặng Thị Tươi	4.150.000.000	4,15%	-	0,00%
Ông Văn Như Bình	3.250.000.000	3,25%	-	0,00%
Trần Hoàng Diệu Linh	2.900.000.000	2,90%	-	0,00%
Trần Mạnh Hải	2.840.000.000	2,84%	-	0,00%
Nguyễn Thị Ngọc Dung	3.150.000.000	3,15%	-	0,00%
Nguyễn Thị Thanh	4.450.000.000	4,45%	-	0,00%
Nguyễn Thị Hồng Tươi	4.100.000.000	4,10%	-	0,00%
Nguyễn Khánh Vân	3.000.000.000	3,00%	-	0,00%
Đỗ Thị Hoài Thu	3.300.000.000	3,30%	-	0,00%
Đỗ Thanh Sơn	3.560.000.000	3,56%	-	0,00%
Đỗ Anh Tuấn	2.650.000.000	2,65%	-	0,00%
Các cổ đông khác	13.746.850.000	13,75%	-	0,00%
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/YBM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/4/2017 với tỷ lệ 29%.

**5.18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	99.828,56	1.009,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	220.121.698.245	72.000.929.143
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>220.121.698.245</b>	<b>72.000.929.143</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	129.200.601.954	49.747.875.145
<b>Tổng</b>	<b>129.200.601.954</b>	<b>49.747.875.145</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 1/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.858.469	18.319.321
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.117.755	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	397.245.901	-
<b>Tổng</b>	<b>435.222.125</b>	<b>18.319.321</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	4.815.145.950	1.086.754.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	882.208.610	1.920.958
<b>Tổng</b>	<b>5.697.354.560</b>	<b>1.088.675.023</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	865.534.415	1.270.440.718
Chi phí vận chuyển	36.948.418.470	5.746.435.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.715.992.866	100.000.000
Chi phí bán hàng khác	2.348.543.135	547.019.564
<b>Tổng</b>	<b>50.878.488.886</b>	<b>7.663.895.759</b>

06-C  
 U HẠN  
 AFC  
 A  
 JH  
 H  
 P H A



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.937.724.980	1.345.791.198
Chi phí khấu hao (*)	309.594.644	606.182.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.168.340.438	847.464.620
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	514.890.821	26.057.818
<b>Tổng</b>	<b>4.930.550.883</b>	<b>2.825.496.437</b>

(\*) Khấu hao tài sản cố định giảm so với năm trước do trong năm nay Công ty đã thanh lý xe ô tô Mercedes (Khấu hao TSCĐ của xe ô tô này năm trước là 606.182.801 VND).

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập từ bán thành phẩm không đạt tiêu chuẩn	254.128.000	-
Thu nhập khác	2.420.539	-
<b>Tổng</b>	<b>256.548.539</b>	<b>-</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định hữu hình	162.048.694	-
Chi phí nộp phạt	242.906.368	-
<b>Tổng</b>	<b>404.955.062</b>	<b>-</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	77.480.803.794	28.609.701.794
Chi phí nhân công	11.386.231.880	11.272.321.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.241.974.742	2.190.976.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.911.462.882	20.781.783.690
Chi phí khác	5.563.784.444	26.057.818
<b>Tổng</b>	<b>184.584.257.742</b>	<b>62.880.841.340</b>

**6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

**Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế) và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (2018 - 2021).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau::

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	29.701.517.564	10.693.306.100
Điều chỉnh các khoản tăng/ (giảm) lợi nhuận	(153.058.029)	(1.281.504)
<b>Lợi nhuận chịu thuế trong năm</b>	<b>29.548.459.535</b>	<b>10.692.024.596</b>
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>29.548.459.535</b>	<b>10.692.024.596</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.909.691.907</b>	<b>2.138.404.919</b>
Thuế TNDN được miễn	(5.909.691.907)	(2.138.404.919)
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty không phát sinh thuế TNDN phải nộp cho kỳ báo cáo hiện hành vì đang trong giai đoạn được miễn thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN RIÊNG**

**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tăng vốn từ chia cổ tức	10.150.000.000	-

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.266.447.528 VND (năm trước là 181.956.363 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả (Mã số 11 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2017	Từ 05/10/2015 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	780.000.000	380.700.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm 2017	Từ 05/10/2015
		VND	đến 31/12/2016 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Góp vốn	18.784.810.000	32.500.000.000
	Mua nguyên vật liệu đầu vào	7.235.259.587	72.909.092
	Thanh toán tiền hàng	5.563.627.000	33.000.000
	Bán bột đá CaCO <sub>3</sub>	122.044.920.352	51.463.814.500
	Thu tiền hàng	111.291.794.282	73.327.407.400
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái	Chuyển tiền góp vốn	9.500.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Góp vốn	1.070.000.000	1.000.000.000
Ông Lê Hoàn	Góp vốn	265.000.000	500.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Góp vốn	1.462.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Góp vốn	5.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Bắc	Góp vốn	-	1.000.000.000

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán

Ngoài ra trong năm tài chính hiện hành, Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu và Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái đã thực hiện bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty. (Xem Thuyết minh 5.16 - Vay và nợ thuê tài chính).

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu</b>		
- Phải thu thương mại	18.070.810.620	7.317.684.550
- Phải trả thương mại	1.718.832.588	47.200.001

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ phát sinh cả tại thị trường trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
<b>Từ 5/10/2015 đến 31/12/2016</b>			
Doanh thu (VND)	70.541.659.798	1.459.269.345	72.000.929.143
Sản lượng (tấn)	83.741,53	937,5	84.679,03

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
<b>Năm 2017</b>			
Doanh thu (VND)	158.194.851.244	61.926.847.001	220.121.698.245
Sản lượng (tấn)	157.537,4	40.021,6	197.559

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCo<sub>3</sub>.

**8.4 Công cụ tài chính**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay [áp dụng trong từng trường hợp] của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Phải trả người bán	21.288.833.737	-	21.288.833.737
Chi phí phải trả	124.281.447	-	124.281.447
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.846.780	-	24.846.780
Vay và nợ thuê tài chính	98.850.028.293	13.108.167.584	111.958.195.877
	<b>120.287.990.257</b>	<b>13.108.167.584</b>	<b>133.396.157.841</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>			
Phải trả người bán	5.822.641.763	-	5.822.641.763
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	21.992.145.944	13.975.909.364	35.968.055.308
	<b>27.814.787.707</b>	<b>13.975.909.364</b>	<b>41.790.697.071</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Tiền và tương đương tiền	4.310.058.949	-	4.310.058.949
Phải thu khách hàng	46.383.671.038	-	46.383.671.038
Các khoản phải thu khác	4.228.292.101	1.254.019.714	5.482.311.815
	<b>54.922.022.088</b>	<b>1.254.019.714</b>	<b>56.176.041.802</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>			
Tiền và tương đương tiền	2.023.383.926	-	2.023.383.926
Phải thu khách hàng	11.990.521.654	-	11.990.521.654
Các khoản phải thu khác	5.000.000.000	677.257.851	5.677.257.851
	<b>19.013.905.580</b>	<b>677.257.851</b>	<b>19.691.163.431</b>

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

- Giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 3.293.600.239 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.078.846.291 VND); và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	4.310.058.949	2.023.383.926	4.310.058.949	2.023.383.926
Phải thu khách hàng	46.383.671.038	11.990.521.654	46.383.671.038	11.990.521.654
Các khoản phải thu khác	5.482.311.815	5.677.257.851	5.482.311.815	5.677.257.851
	<b>56.176.041.802</b>	<b>19.691.163.431</b>	<b>56.176.041.802</b>	<b>19.691.163.431</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	21.288.833.737	5.822.641.763	21.288.833.737	5.822.641.763
Chi phí phải trả	124.281.447	-	124.281.447	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.846.780	-	24.846.780	-
Vay và nợ thuê tài chính	111.958.195.877	35.968.055.308	111.958.195.877	35.968.055.308
	<b>133.396.157.841</b>	<b>41.790.697.071</b>	<b>133.396.157.841</b>	<b>41.790.697.071</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**9. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 5/10/2015 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

**10. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH**

- Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên thành 100 tỷ đồng và đã đủ điều kiện là công ty đại chúng. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 2 số 5200824701 vào ngày 13 tháng 7 năm 2017. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã nộp hồ sơ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký công ty đại chúng và đang chờ được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Ngày 27 tháng 4 năm 2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái mua đã mua 940.000 cổ phần tương đương 94% vốn điều lệ của các cổ đông và trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Công ty mẹ đã mua toàn bộ số cổ phần phát hành thêm (950.000 cổ phần tương đương 9.500.000.000 VND) của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty này lên 96,92%.

- Ngày 20 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái đã mua lại phần vốn góp tương đương 99% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của Công ty TNHH TALC Việt Nam.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh trong năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**11. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

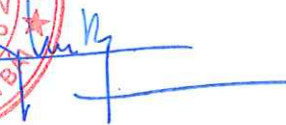
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018